

Số: /QĐ-BĐD

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh chỉ tiêu Kế hoạch tín dụng năm 2025
cho các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (đợt 7)

TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN HĐQT
NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 4051/QĐ-CT ngày 04/12/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các văn bản của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội: Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 quy định về việc xây dựng và tổ chức kế hoạch tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội; Quyết định số 1026/QĐ-NHCS ngày 29/3/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội; Công văn số 7064/NHCS-KHNV ngày 14/7/2025 về việc hướng dẫn một số nội dung về tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng và xây dựng kế hoạch tín dụng năm 2026, giai đoạn 2026 - 2030; Quyết định số 7599/QĐ-NHCS ngày 07/8/2025 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tại Công văn số 1416/NHCS-KHTD ngày 14/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2025 cho các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (đợt 7).

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, giao Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh phối hợp với UBND các xã, phường và các ngành chức năng có liên quan triển khai thực hiện theo quy định.

2. Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và hướng dẫn của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội tại các văn bản có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

TRƯỞNG BAN**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH**
Nguyễn Văn Thi

PHỤ LỤC SỐ 01
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI THẠCH THÀNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên xã	Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng nguồn vốn Trung ương chương trình cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ
1	Thành Vinh	880
2	Ngọc Trạo	40
3	Thạch Bình	80
Cộng		1.000

PHỤ LỤC SỐ 02
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI QUAN HÓA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên xã	Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng nguồn vốn Trung ương chương trình cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ
1	Trung Thành	40
2	Thiên Phú	40
3	Phú Lệ	40
4	Hồi Xuân	40
5	Phú Xuân	80
Cộng		240

PHỤ LỤC SỐ 03
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI BÁ THƯỚC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên xã	Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng nguồn vốn Trung ương chương trình cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ
1	Thiết Ống	560
2	Cổ Lũng	200
3	Pù Luông	120
4	Quý Lương	160
Cộng		1.040

PHỤ LỤC SỐ 04
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI LANG CHÁNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên xã	Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng nguồn vốn Trung ương chương trình cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ
1	Linh Sơn	40
2	Giao An	80
3	Văn Phú	480
4	Yên Thắng	80
5	Yên Khương	120
Cộng		800

PHỤ LỤC SỐ 05
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI NGỌC LẶC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên xã	Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng nguồn vốn Trung ương chương trình cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ
1	Ngọc Lặc	280
2	Ngọc Liên	80
3	Nguyệt Ấn	240
4	Minh Sơn	40
Cộng		640

PHỤ LỤC SỐ 06
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI THƯỜNG XUÂN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên xã	Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng nguồn vốn Trung ương chương trình cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ
1	Thường Xuân	120
2	Luận Thành	40
3	Tân Thành	1.000
4	Thắng Lợi	1.040
5	Xuân Chinh	640
6	Bát Mọt	120
7	Lương Sơn	40
8	Yên Nhân	440
Cộng		3.440

PHỤ LỤC SỐ 07
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA HỘI SỞ NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH THANH HÓA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên phường	Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng nguồn vốn ủy thác địa phương	
		Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	Cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác
1	Nguyệt Viên		1.000
2	Hạc Thành		400
3	Đông Quang		600
4	Cho vay trực tiếp tại Hội sở tỉnh	100.000	
Cộng		100.000	2.000

PHỤ LỤC SỐ 08
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI QUAN SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên xã	Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng nguồn vốn Trung ương chương trình cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ
1	Na Mèo	80
2	Trung Hạ	440
3	Tam Lư	40
Cộng		560

PHỤ LỤC SỐ 09
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI MƯỜNG LÁT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên xã	Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng nguồn vốn Trung ương chương trình cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ
1	Trung Lý	120
2	Mường Lý	3.760
3	Mường Lát	40
Cộng		3.920

PHỤ LỤC SỐ 10
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI NHƯ XUÂN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2025
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên xã	Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng nguồn vốn Trung ương chương trình cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ
1	Thanh Phong	40
2	Thanh Quân	40
3	Hóa Quỳ	120
Cộng		200